

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY
(SỬA ĐỔI TÊN THÀNH:QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong dự thảo này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế quản trị Công ty hiện hành” là các dòng chữ **màu đỏ**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi” là phần **màu xanh**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Quy định tại Quy chế quản trị Công ty hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi	Ghi chú
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Ý nghĩa và Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Ý nghĩa và Phạm vi điều chỉnh	
<p>1. Quy chế này được xây dựng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.</p> <p>Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải</p> <p>Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.</p>	<p>1. Quy chế này được xây dựng theo Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.</p> <p>Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải</p> <p>Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.</p>	Cập nhật dẫn chiếu luật
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	Điều 2. Giải thích thuật ngữ	
<p>1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; - Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty. 	<p>1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả; - Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông; - Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông; - Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ 	Tham chiếu điều 40 Luật Chứng khoán

	<p>hoạt động quản trị công ty;</p> <p>- Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;</p> <p>- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.</p>	
d. “Cổ đông lớn” là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.	d. Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.	Quy định tại khoản 18 điều 4 Luật chứng khoán
e. “Người điều hành” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính theo quy định của Điều lệ công ty.	e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính theo quy định của Điều lệ công ty.	Sửa đổi “Người điều hành” thành “Người điều hành doanh nghiệp”
f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán và Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp.	f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;	Cập nhật dẫn chiếu Luật
g. “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.	g. “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;	Cập nhật dẫn chiếu luật
h. “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập” là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp.	h. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” (sau đây gọi là “thành viên độc lập”) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.	Cập nhật dẫn chiếu Luật
Không có	i. “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.	Bổ sung theo khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
Không có	j. Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng	Bổ sung khái niệm “Người nội bộ”

	khoán;	
Điều 3. Quy chế quản trị	Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty	
<u>CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ</u>	<u>CHƯƠNG II: CỐ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỐ ĐỒNG</u>	Thay đổi tiêu đề chương
Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý	Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý	Không đổi
<u>CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỐ ĐỒNG</u>		Gộp và chương II
Điều 5. Quyền của cổ đông	Điều 5. Quyền của cổ đông	
<p>1.Cổ đông có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều 15 Điều lệ công ty, đặc biệt là:</p> <p>a)Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>1.Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là:</p> <p>a)Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	Sửa khoản 1d để bao quát các cách thức thực hiện quyền dự họp và biểu quyết theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty
<p>b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p>	<p>b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p>	
<p>c)Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty;</p>	<p>c) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty;</p>	
<p>d)Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua các hình thức khác như:</p> <p>-Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>-Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến,</p>	<p>d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết theo các hình thức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p>	

bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; -Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.		
e) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong công ty;	e) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong công ty;	
f) Nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;		
g) Nghĩa vụ cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.		
Điều 6. Trách nhiệm của cổ đông lớn	Điều 6. Trách nhiệm của cổ đông lớn	Không đổi
CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		Gộp vào chương II
Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	
<p>1.Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:</p> <p>a)Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b)Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c)Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d)Cách thức bỏ phiếu;</p> <p>e)Cách thức kiểm phiếu;</p> <p>f)Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g)Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h)Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;</p> <p>i)Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;</p> <p>j)Các vấn đề khác.</p>	<p>1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được tổ chức mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xin Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>b. Thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty.</p> <p>c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Điều lệ Công ty.</p> <p>d. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	

	không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	
<u>Không có</u>	<p>2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p> <p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).</p>	Bổ sung theo điều 141 Luật doanh nghiệp
2. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục uỷ quyền và lập giấy uỷ quyền cho các cổ đông theo quy định.	<p>3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	Theo Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
<u>Không có</u>	4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung quy định về thông báo triệu

	Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty. Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến và/ hoặc bỏ phiếu điện tử, thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.	tập họp ĐHDCĐ
3.Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp.	5. Chương trình, nội dung Đại hội a. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. b. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ Công ty.	Bổ sung quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp
4.Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.		Bổ nội dung trùng lặp với khoản 3 và khoản 6 Điều 6 Quy chế sửa đổi.
5.Hàng năm công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ		Gộp vào khoản d

đồng thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.		điều 7 Quy chế sửa đổi
<u>Không có</u>	6.Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong thông báo. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ.	Bổ sung quy định về điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ
<u>Không có</u>	7.Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.	Bổ sung quy định về điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ
<u>Không có</u>	8.Thể thức tiến hành và họp biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.	Bổ sung quy định về điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ
<u>Không có</u>	9.Các hình thức biểu quyết: a.Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không	Bổ sung Cách thức biểu quyết Đại hội cổ đông

	<p>hợp lệ.</p> <p>b.Biểu quyết bằng bỏ phiếu: Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu, đối với từng nội dung, đại biểu tham dự họp chọn một trong ba phương án “Tán thành/Đồng ý”, “Không tán thành/Không đồng ý”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “O” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn thành tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.</p>	
<u>Không có</u>	<p>10.Cách thức bỏ phiếu bầu cử</p> <p>a.Nguyên tắc chung</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty; -Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị. <p>b.Các hình thức bỏ phiếu bầu cử</p> <p>Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> -Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị; -Đại biểu tham dự có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên; -Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu); 	<p>Bổ sung cách thức bỏ phiếu và cách thức kiểm phiếu, Đại hội đồng cổ đông</p>

	<p>-Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;</p> <p>-Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:</p> <p>+ Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.</p> <p>+ Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền điền số “0” hoặc bỏ trống vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.</p> <p>+ Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu một hoặc một số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào.</p> <p>+ Trường hợp cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông trong quá trình ghi Phiếu bầu bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào Hòm phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu.</p> <p>-Nguyên tắc trúng cử:</p> <p>Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p>	
--	--	--

	<p>Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.</p> <p>Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Quy chế này.</p>	
<u>Không có</u>	<p>11.Cách thức kiểm phiếu</p> <p>Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức giơ thẻ biểu quyết tại đại hội, số thẻ “Tán thành/Đồng ý”, “Không tán thành/Không đồng ý”, “Không có ý kiến” được đếm riêng. Tổng số ý kiến Tán thành/Đồng ý”, “Không tán thành/Không đồng ý”, “Không có ý kiến” theo từng vấn đề được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.</p> <p>Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết được phát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và bỏ vào thùng phiếu được niêm phong đặt tại phòng họp để ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của Cổ đông là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của Cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu.</p> <p>Khi cổ đông thực hiện biểu quyết, bầu cử trực tuyến số phiếu bầu của mỗi ứng viên đều được ghi nhận trên hệ thống theo: số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không có ý kiến. Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình đại hội đã gửi cho cổ đông, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh</p>	Bổ sung cách thức kiểm phiếu đại hội cổ đông

	<p>thì phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được xem như không có ý kiến đối với những nội dung này. Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh, hệ thống trực tuyến chỉ sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử.</p> <p>Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, đại hội sẽ chỉ định một (01) hoặc một số cổ đông không có lợi ích liên quan đến nội dung biểu quyết, bầu cử thực hiện giám sát việc kiểm phiếu.</p>	
<u>Không có</u>	<p>12.Điều kiện đề nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Điều kiện đề nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.</p>	Bổ sung quy định về điều kiện thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ
<u>Không có</u>	<p>13.Thông báo kết quả kiểm phiếu.</p> <p>Kết quả kiểm phiếu được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.</p>	
<u>Không có</u>	<p>14.Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy</p>	Bổ sung theo Điều 132 Luật Doanh nghiệp

	định tại khoản này.	
<u>Không có</u>	15.Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.	
<u>Không có</u>	16.Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Việc công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tuân thủ quy định Công bố thông tin của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.	
Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	Sửa đổi tiêu đề
Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: 1.Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; 2.Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; 3.Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có); 4.Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có); 5.Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc; 6.Kết quả giám sát đối với các người điều hành khác; 7.Các kế hoạch trong tương lai.	1.Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp ,Điều lệ công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau: a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm	Sửa theo Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

	<p>gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>d. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);</p> <p>g. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;</p> <p>h. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;</p> <p>i. Các kế hoạch trong tương lai.</p>	
<u>Không có</u>	<p>2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty.</p> <p>d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành</p>	Bổ sung theo Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

	<p>viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty.</p> <p>f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác.</p> <p>g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.</p> <p>h. Các nội dung khác (nếu có).</p>	
CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 9. Thành phần, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị	Điều 9. Thành phần, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị	
<p>2.Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên nắm giữ các chức danh điều hành với các thành viên độc lập.Trong đó, tổng số thành Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>2.Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, chứng khoán và các hoạt động kinh doanh của công ty; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hội đồng quản trị độc lập. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	Chỉnh sửa từ ngữ
Điều 10.Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	Điều 10.Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	
<p>1.Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a)Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;</p>	<p>1.Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a.Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p>	Cập nhật dẫn chiếu Luật

Điều 11.Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	Điều 11.Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	
3.Thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay của công ty và các hợp đồng khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;	3. Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay của công ty và các hợp đồng khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp.	Cập nhật dẫn chiếu Luật
4.Hội đồng quản trị thông qua việc công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.	4.Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trong trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp. Đối với những những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty ký kết với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. 5. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.	Cập nhật dẫn chiếu Luật Bổ sung theo khóa 2, 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 12.Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 12. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
1.Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 32 Điều lệ công ty.	1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.	

2.Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty.	2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty.	
3.Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.	3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.	
4.Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	4. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	
5.Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.	5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.	
	6. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.	Bổ sung theo khoản 5 Điều 278 NĐ 155/2020/NĐ-CP
	7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.	Bổ sung theo khoản 7 Điều 278 NĐ

		155/2020/NĐ-CP
	8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty.	Bổ sung theo khoản 8 Điều 278 NĐ 155/2020/NĐ-CP
Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị	
<p>1.Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>2.Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>3.Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>4.Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>5.Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>6.Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>7.Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Chủ tịch hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại điều 156 Luật doanh nghiệp và khoản 3 Điều 35 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p>	Bổ sung/ cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty
	1. Chủ tịch HĐQT là người chịu trách nhiệm chung tổ chức thực hiện mọi công việc của HĐQT; điều khiển ĐHĐCĐ thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy	

	định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về công việc của mình.	
	2. Chủ tịch HĐQT ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT; việc ủy quyền cho các thành viên HĐQT khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản	
	3. Chủ tịch HĐQT triệu tập, chủ trì các cuộc họp HĐQT và phân công thành viên HĐQT chuẩn bị nội dung các cuộc họp HĐQT; ĐHĐCĐ; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng giám đốc, người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo	
	4. Chủ tịch HĐQT phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT; nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT	
	5. Chủ tịch HĐQT theo dõi và đôn đốc quá trình thực hiện các nghị quyết của HĐQT	
	6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.	
Điều 14. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền	Điều 14. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền	
1. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.	1. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý	Theo khoản 4 điều 156 Luật doanh nghiệp

	hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	
Điều 15. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	
1.Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.	1.Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong đó có quyền được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp ;	
2.Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty.	2. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty.	
3.Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty.	3. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;	
4.Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.	4. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;	
5.Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn	5. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.	

góp của công ty.		
	6. Báo cáo Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn;	Bổ sung theo điểm d khoản 2 Điều 277 ND 155/2020/ND-CP
	7. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.	Bổ sung theo điểm đ khoản 2 Điều 277 ND 155/2020/ND-CP
	8. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo khoản 3 Điều 277 ND 155/2020/ND-CP
6. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.	9. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	
7. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.	10. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.	
	11. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm	

	trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp quy định tại Điều 48 Điều lệ Công ty.	
Điều 16.Cuộc họp Hội đồng quản trị	Điều 16. Trình tự, thủ tục họp Hội đồng quản trị	Thay đổi tiêu đề
1.Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	1.Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	Không đổi
2.Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	Không đổi
3.Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	3.Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	
	3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nêu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Phụ lục 3 Quy chế quản trị của công ty thì biên bản này có hiệu lực. Trường hợp này, biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành	Bổ sung theo khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp

	Nghị quyết thông qua.	
Điều 17. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 17. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Không đổi
Điều 18. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị	Điều 18. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Không đổi
Điều 19. Người phụ trách quản trị công ty	Điều 19. Người phụ trách quản trị công ty	
Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp . Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được quy định chi tiết tại Phụ lục 08 của Quy chế này.	Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp . Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được quy định chi tiết tại Phụ lục 08 của Quy chế này.	Cập nhật dẫn chiếu Luật
Điều 20. Đào tạo về quản trị công ty	Điều 20. Đào tạo về quản trị công ty	Không đổi
CHƯƠNG VI: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	CHƯƠNG IV: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
Điều 21. Thành phần và tiêu chuẩn của <u>các</u> người điều hành	Điều 21. Thành phần và tiêu chuẩn của Người điều hành	
2. Người điều hành của Công ty mẹ và các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của công ty con phải nằm trong độ tuổi lao động theo quy định tại Điều 187 Bộ luật lao động số 10/2012/QH13 và các quy định pháp luật hiện hành.	2. Người điều hành của Công ty mẹ và các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của công ty con phải nằm trong độ tuổi lao động theo quy định tại Điều 169 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 và các quy định pháp luật hiện hành.	Cập nhật dẫn chiếu Luật
3. Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau: a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp . b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.	3. Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau: a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 và Điều 64 của Luật Doanh nghiệp ; b) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và	Cập nhật dẫn chiếu luật

	Điều lệ Công ty.	
CHƯƠNG VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	CHƯƠNG V. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	
Điều 22. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác	Điều 22. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác	
	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều 48 Điều lệ Công ty và các trách nhiệm sau:	
1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các người điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các người điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong	3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng	

thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.	cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán..	
4.Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.	
5.Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	5.Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	
Điều 23. Giao dịch với người có liên quan	Điều 23. Giao dịch với người có liên quan	Không đổi
Điều 24. Giao dịch với cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	Điều 24. Giao dịch với cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	
3.Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty không được thực hiện giao dịch sau: a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các người điều hành khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và	3.Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty không được thực hiện giao dịch sau: a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các người điều hành khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty	Cập nhật dẫn chiếu luật

<p>pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>b) Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <p>-Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>-Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>-Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>b) Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <p>-Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>-Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>-Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 167 Luật doanh nghiệp.</p>	
Điều 25. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty	Điều 25. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty	Không đổi
CHƯƠNG VIII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	CHƯƠNG VI. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Điều 26. Nghĩa vụ công bố thông tin	Điều 26. Nghĩa vụ công bố thông tin	Không đổi
Điều 27. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty	Điều 27. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty	
1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp .	1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp .	Cập nhật dẫn chiếu luật
Điều 28. Công bố thông tin về quản trị công ty	Điều 28. Công bố thông tin về quản trị công ty	Không đổi
Điều 29. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc	Điều 29. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc	Không đổi
Điều 30. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	Điều 30. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	Không đổi
CHƯƠNG IX: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	CHƯƠNG VII: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	

Điều 31. Giám sát về quản trị công ty	Điều 31. Giám sát về quản trị công ty	Không đổi
Điều 32. Xử lý vi phạm	Điều 32. Xử lý vi phạm	Cập nhật dẫn chiếu Luật
Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với các hành vi vi phạm quy định về quản trị công ty đại chúng, Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật hiện hành	Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật hiện hành	
CHƯƠNG X: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY	CHƯƠNG VIII: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Không đổi
Điều 33. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty	Điều 33. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty	
CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
Điều 34. Ngày hiệu lực	Điều 34. Ngày hiệu lực	
1. Quy chế này gồm XI chương , 34 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải thống nhất thông qua ngày 24 tháng 03 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.	1. Quy chế này gồm IX chương , 34 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải thống nhất thông qua ngày tháng năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.	
PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	
Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên	Sửa theo khoản 1 Điều 143 Luật

<p>thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp công ty niêm yết, đăng ký giao dịch niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông(tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử trong thông báo mới họp để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp công ty niêm yết, đăng ký giao dịch niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử trong thông báo mới họp để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	Doanh nghiệp 2020
<p>Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến, cổ đông công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	
<p>Điều 10. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 10. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	

1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ công ty , Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.	1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty , Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.	Cập nhật lại dẫn chiếu
2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông: a) Chuẩn bị tài liệu: Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông: a. Chuẩn bị tài liệu: Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 21 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	Cập nhật lại thời gian công bố tài liệu đại hội theo điểm a khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC
PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 3. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Điều 3. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới	3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ Công ty có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01)	Bổ quy định về thời gian nắm giữ theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020

40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên và từ 90% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải thực hiện theo các biểu mẫu mà Công ty cung cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên và từ 90% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải thực hiện theo các biểu mẫu mà Công ty cung cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	
PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 6. Cách thức biểu quyết	Điều 6. Cách thức biểu quyết	
6. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 42 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;	6. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 48 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ
PHỤ LỤC 4: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	PHỤ LỤC 4: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 3. Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Điều 3. Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	
1. Để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc theo quy định Điều 35 Điều lệ Công ty	1. Để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc theo quy định Điều 37 Điều lệ Công ty	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ
Điều 4. Tiểu ban kiểm toán	Điều 4. Ủy ban kiểm toán	
1. Tiểu ban kiểm toán là Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị thành lập	1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị, do Hội đồng quản trị	

kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ.	thành lập kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hiện hữu của kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và các quy định nội bộ của Công ty.	
2. Cuộc họp của Tiểu ban kiểm toán: Tiểu ban kiểm toán phải họp ít nhất 03 (ba) lần trong 01 (một) năm và phải tổ chức họp muộn nhất 03 ngày trước ngày dự kiến công bố báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý. Cuộc họp của Tiểu ban kiểm toán sẽ chỉ được tiến hành khi có đầy đủ các thành viên và người được ủy quyền tham dự (trong trường hợp được các thành viên còn lại đồng ý) tham dự họp.		
3. Thành phần, nhiệm kỳ của Tiểu ban kiểm toán: Tiểu ban kiểm toán gồm có ba (03) thành viên, thành viên Tiểu ban kiểm toán do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	3. Thành phần, nhiệm kỳ của Ủy ban kiểm toán: Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.	
4. Kiểm toán viên nội bộ phải có đủ các tiêu chuẩn sau: a) Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật; b) Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ. c) Đã có thời gian từ 05 năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại đơn vị đang công tác hoặc từ 03 năm trở lên làm kế toán, kiểm toán hoặc thanh tra. d) Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty; Có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; Có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ.	4. Thành viên ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau: a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.	

5. Trưởng ban kiểm toán nội bộ phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.	5. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn	
6. Quyền hạn và trách nhiệm của Tiểu ban kiểm toán: a) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ can trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;	6. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán: a. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;	
b) Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của công ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;	b. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ
c) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty, chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công ty;	c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;	Cập nhật dẫn chiếu Luật
d) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ công ty;	d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ
e) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 3 Điều 15 của điều lệ công ty, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, tiểu ban kiểm toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu	e. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;	

cầu. Việc kiểm tra của tiểu ban kiểm toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;		
f) Kiến nghị Hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;	f. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;	
g) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;	g. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.	
h) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo thể thức tại Điều 18 Điều lệ công ty; giám sát tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập;		
i) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty;		
j) Được đề nghị trung tập người ở các bộ phận khác của đơn vị; được thuê chuyên gia, tư vấn, thuê dịch vụ kiểm toán tham gia các cuộc kiểm toán nội bộ khi cần thiết, với điều kiện đảm bảo tính độc lập của kiểm toán nội bộ;		
k) Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Điều lệ này, Quy chế quản trị Công ty, và quy định pháp luật.		
PHỤ LỤC 7: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	PHỤ LỤC 7: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ	

KHÁC	NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
Điều 4. Khen thưởng		
2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hằng năm. Khen thưởng cho các người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.	2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hằng năm. Khen thưởng cho các người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.	Lược bỏ kiểm soát viên do Công ty không hoạt động theo mô hình này